

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ
THỦY LỢI TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Điện Biên, tháng 9 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I	4
CÁC KHÁI NIỆM.....	4
PHẦN II.....	5
THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP.....	5
I. Giới thiệu chung về Doanh nghiệp.....	5
1. Tên Doanh nghiệp.....	5
2. Trụ sở chính.....	5
3. Ngành nghề kinh doanh.....	5
4. Vốn điều lệ.....	5
5. Chủ sở hữu Công ty.....	6
6. Tư cách pháp nhân.....	6
7. Phạm vi hoạt động.....	6
8. Tổ chức Đảng, Đoàn thể.....	6
II. Quá trình hình thành và phát triển.....	6
1. Quá trình hình thành.....	6
2. Về đầu tư phát triển	7
3. Cơ cấu tổ chức và quản lý lao động.....	7
4. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp.....	9
5. Tình hình hoạt động của Doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa...11	
6. Triển vọng phát triển của ngành.....	14
PHẦN III.....	15
KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP:	
I. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	15
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013.....	15
2. Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thời điểm 31/12/2013.....	15
PHẦN IV PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	
I. Căn cứ xây dựng phương án.....	16
II. Mục tiêu cổ phần hóa.....	17
III. Hình thức cổ phần hóa.....	17
IV. Quy mô cơ cấu vốn điều lệ và giá khởi điểm.....	18
1. Quy mô vốn điều lệ.....	18
2. Cơ cấu vốn điều lệ.....	18
3. Giá khởi điểm phát hành cổ phần	21
4. Phương thức phát hành cổ phần.....	21
5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	22
V. Phương án sắp xếp lao động.....	22
1. Cán bộ điều động và bổ nhiệm sau khi thực hiện Cổ phần hóa.....	22

2. Danh sách toàn bộ số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	22
3. Danh sách lao động đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo nghị định 108/2014/NĐ-CP tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	23
4. Danh sách lao động chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	23
5. Danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần.....	23
6. Tổng hợp phương án sử dụng lao động.....	23
7. Về chính sách đối với người lao động	23
PHẦN V.....	24
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO SAU CỔ PHẦN HÓA	24
I. Tên, trụ sở, vốn điều lệ, hình thức hoạt động, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sau khi chuyển thành cổ phần hóa	24
1. Tên Công ty	24
2. Địa chỉ trụ sở chính	24
3. Hình thức hoạt động	24
4. Vốn điều lệ	24
5. Ngành nghề kinh doanh	24
II. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần	26
1. Thuận lợi	26
2. Khó khăn	26
3. Mục tiêu phát triển	26
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần	27
5. Một số giải pháp chủ yếu	27
IV. Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần	33
V. Các đề xuất kiến nghị	33
PHẦN VI	34
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	34

PHẦN I CÁC KHÁI NIỆM

1. “Công ty” là Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên (trước khi cổ phần hóa) và là Công ty Cổ phần Lạc Hồng Điện Biên (sau khi cổ phần hóa).

2. “Cổ phần” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

3. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu 1 hoặc 1 số cổ phần của công ty.

4. “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của công ty.

5. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi vào Điều lệ công ty

7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Phương án cổ phần hóa này có nội dung như sau:

ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị
BKS:	Ban kiểm soát
GD:	Giám đốc
KTT:	Kế toán trưởng
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
TSCĐ:	Tài sản cố định
TSLĐ:	Tài sản lưu động
CT CK:	Công ty Chứng khoán
UBND:	Ủy Ban Nhân Dân
BHXH:	Bảo hiểm xã hội
CP:	Cổ phần
CPH:	Cổ phần hóa
DN:	Doanh nghiệp
DNNN:	Doanh nghiệp Nhà nước
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV :	Một thành viên
NM:	Nhà máy
HĐKD:	Hoạt động kinh doanh
CNKT:	Công nhân kỹ thuật

PHẦN II
THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI BÀN GIAO
NHIỆM VỤ QUẢN LÝ THỦY NÔNG VÀ CẤP NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN CỔ
PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP

I. Giới thiệu về Doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI TỈNH ĐIỆN BIÊN

2. Trụ sở chính: Khối đồng Tâm - Thị trấn Tuần giáo- Huyện Tuần giáo - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0230862370

Fax: 0230863024

Mã số thuế doanh nghiệp: 5600101344

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 620400015

Do: Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên

Cấp lần đầu ngày: 17 tháng 5 năm 2006.

3. Ngành, nghề kinh doanh:

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp
- Cung cấp nước cho dân sinh và các ngành nghề kinh tế khác
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; xây dựng giao thông thủy lợi, thủy điện vừa và nhỏ.
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 0,4 - 35 Kv
- Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt
- Khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Vốn điều lệ: 6.667.925.863 đồng (Sáu tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm hai năm nghìn tám trăm sáu ba đồng)

5. Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Số nhà 851 - Tổ dân phố 20 - Phường Mường Thanh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên.

6. Tư cách pháp nhân:

Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

7. Phạm vi hoạt động:

Trước khi cổ phần hóa, Công ty có nhiệm vụ cung cấp nước sạch cho địa bàn 2 huyện Tuần Giáo và Mường Ảng; Cấp nước tưới cho nông dân phục vụ sản xuất nông nghiệp tại 3 huyện Mường ảng, Tuần giáo, Tủa chùa. Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ tại các Tỉnh Điện Biên và Lai Châu.

Khi xây dựng phương án cổ phần hóa, nhiệm vụ cung cấp nước sạch đã được bàn giao cho Công ty TNHH xây dựng và cấp nước. Về nhiệm vụ công ích cũng đã được bàn giao cho Công ty TNHH thủy nông Điện Biên. Nhiệm vụ còn lại của công ty là Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ.

8. Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Tổ chức Đảng: Công ty có 1 chi bộ Đảng gồm 13 đảng viên, trực thuộc Huyện Ủy Tuần Giáo;

- Có 01 tổ chức Công đoàn Công trực thuộc Liên đoàn lao động Huyện Tuần Giáo ; gồm 05 tổ Công đoàn trực thuộc; 76 Đoàn viên Công đoàn.

II. Quá trình hình thành và phát triển

1. Quá trình hình thành:

Tiền thân của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên là Xí nghiệp quản lý Khai thác và xây dựng công trình thủy lợi Tuần giáo được thành lập từ năm 1993; Thực hiện Quyết định số 56/2003/QĐ-TTg ngày 15/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN tỉnh Lai Châu đến năm 2005; Công ty được chuyển thành DNNN hoạt động

công ích với tên gọi là Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi Tỉnh Điện Biên.

Công ty được UBND Tỉnh giao nhiệm vụ Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, kinh doanh nước sạch, Công ty đã mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh như: thi công xây lắp các công trình dân dụng giao thông thủy lợi vừa và nhỏ tìm kiếm thị trường tại hai Tỉnh Điện Biên và Lai châu để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời giúp Công ty có thêm thu nhập để tái sản xuất mở rộng.

Năm 2007, theo quyết định của UBND tỉnh Điện Biên, Công ty được xếp hạng là "Doanh nghiệp hạng III" và Năm 2006 được nhận Huân chương lao động hạng ba do Nhà nước trao tặng:

Với sự nỗ lực hết mình của CBCNV công ty và sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo, từ một công ty có quy mô nhỏ nay doanh nghiệp đã phát triển thành công ty có quy mô lớn, tạo công ăn việc làm cho hơn 500 công nhân và người lao động, ổn định sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động, bảo toàn phát triển vốn nhà nước góp phần ổn định đời sống xã hội bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Về đầu tư phát triển doanh nghiệp:

Từ năm 1993 Công ty được giao vốn và Các công trình để khai thác vận hành cấp tưới nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Đến năm 2010 Công ty được bổ sung vốn và tiếp quản công trình Hệ thống cấp nước sinh hoạt Thị trấn Tuần giáo.

Song song với các nhiệm vụ trên doanh nghiệp đã đầu tư nhiều máy móc thiết bị để thực hiện thi công các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi vừa và nhỏ trên địa bàn hai tỉnh Lai châu và Điện Biên.

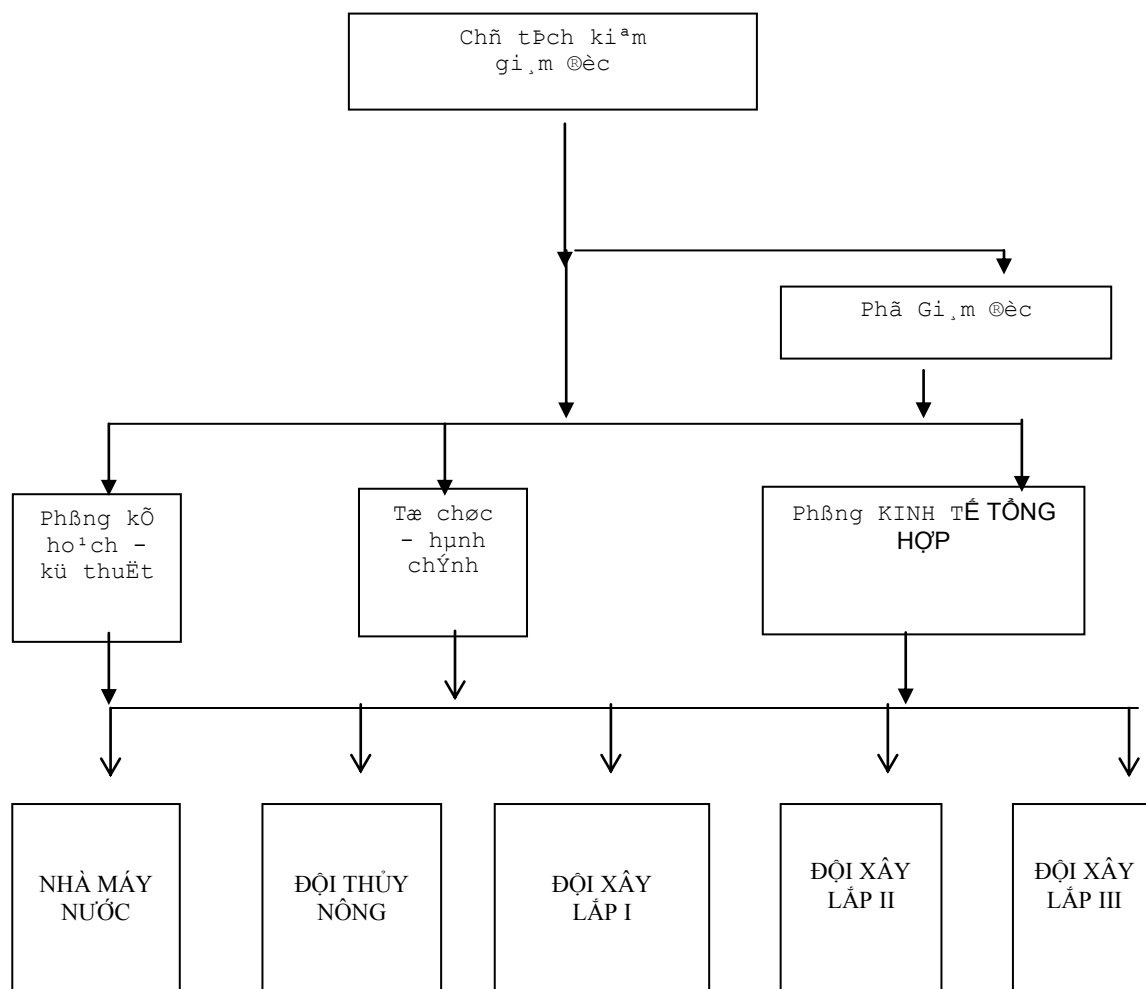
3. Cơ cấu tổ chức quản lý và lao động của Công ty:

3.1. Bộ máy tổ chức quản lý hiện tại bao gồm:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- Phó giám đốc Công ty
- Kế toán trưởng

- Các phòng, ban, đội trực thuộc giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ SXKD do Chủ tịch kiêm Giám đốc giao; Được tổ chức thành 3 phòng chức năng và 5 đội trực thuộc.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA



3.2. Về lao động của doanh nghiệp.

- Số lượng lao động trước khi điều chuyển, bàn giao sang Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên và Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên là: 76 người (chưa kể số lao động hợp đồng theo mùa vụ).

Trong đó: Nam: 62 người; Nữ: 14 người; Cụ thể như sau:

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo trình độ lao động	76	
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	10	13,16
3	Cao đẳng + Trung cấp	16	21,06
4	Bằng nghề CN kỹ thuật, trình độ khác	6	7,89
5	Lao động không có bằng nghề	44	57,89
	Phân loại theo hợp đồng lao động		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	2	2,63
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	74	97,4
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3	0	

	năm		
--	-----	--	--

- Số lượng lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, ngày 26/6/2015 là: 22 người (chưa kể số lao động hợp đồng theo mùa vụ).

Trong đó: 16 Nam: người; Nữ: 06 người; Cụ thể như sau:

STT	Trình độ	Tổng số người	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo trình độ lao động	22	
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	06	27,3
3	Cao đẳng + Trung cấp	06	27,3
4	Bằng nghề CN kỹ thuật, trình độ khác	05	22,7
5	Lao động không có bằng nghề	05	22,7
	Phân loại theo hợp đồng lao động		
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Nhà nước bổ nhiệm)	2	9,1
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	20	90,9
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	0	

4. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

4.1. Đất đai:

Trước khi bàn giao sang Công ty TNHH quản lý thủy nông Điện Biên và Công ty TNHH cấp nước Điện Biên, Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên có tổng diện tích đất sử dụng là 1.423 m², trong đó có 332,34 m² xây dựng trụ sở làm việc tại Thị trấn Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (theo Quyết định số 138/QĐ-UB-ĐC ngày 21/3/1998 của UBND tỉnh Lai Châu cũ nay là tỉnh Điện Biên).

Khi công ty bàn giao nhiệm vụ cấp tưới nước phục vụ đất nông nghiệp của nông dân cho Công ty TNHH Quản lý thủy nông và nhiệm vụ cấp nước sạch cho Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên thì toàn bộ đất và trụ sở của Công ty cũng được bàn giao cho Công ty TNHH quản lý thủy nông Điện Biên. Hiện tại công ty không còn trụ sở để giao dịch. Do vậy để doanh nghiệp tiếp tục hoạt động đề nghị UBND tỉnh xem xét bố trí đất để doanh nghiệp xây dựng trụ sở giao dịch.

4.2. Tài sản cố định của doanh nghiệp

- Tình hình về tài sản cố định trước khi bàn giao sang Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên và Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên tại thời điểm ngày 31/12/2013 được tóm tắt tại bảng sau:

Đơn vị tính: VND

S T T	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	77.501.400.061	20.574.117.732	56.927.282.329
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	822.278.988	440.070.985	382.208.003
2	Máy móc thiết bị	31.323.336.628	16.867.890.143	14.455.446.485
3	Phương tiện vận tải	6.332.938.167	2.867.588.217	3.465.349.950
4	Tài sản cố định khác	39.022.846.278	398.568.387	38.624.277.891
II	Chi phí trả trước dài hạn	53.749.109		53.749.109
	Tổng cộng	77.555.149.170	20.574.117.732	56.981.031.438

- Tình hình về tài sản cố định sau khi bàn giao sang Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên và Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên được tóm tắt tại bảng sau:

Đơn vị tính: VND

S T T	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	37.335.836.627	19.415.040.192	17.920.796.435
1	Nhà cửa và vật kiến trúc		0	0
2	Máy móc thiết bị	31.323.336.628	16.867.890.143	14.455.446.485
3	Phương tiện vận tải	6.012.499.999	2.547.150.049	3.465.349.950
4	Tài sản cố định khác	0	0	
II	Chi phí trả trước dài hạn	53.749.109		53.749.109
	Tổng cộng	37.389.585.736	19.415.040.192	17.974.545.544

Là một doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và hoạt động nhiệm vụ công ích là cung cấp nước và nhiệm vụ tưới cấp nước cho nông dân phục vụ trong sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy giá trị tài sản cố định chiếm một phần rất lớn trong tổng tài sản của Công ty.

5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa

5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận):

Tỷ lệ về doanh thu:

ĐVT: 1000 đồng

TT	Loại hình	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu nước SH	868.830	1	1.277.212	1	1.482.138	1
2	DT Miễn thu thủy lợi phí	1.787.266	2,1	2.096.000	1,7	5.057.351	3,5
3	Doanh thu xây lắp	82.213.674	96,87	121.041.804	96,6	132.538.294	91,4
4	Doanh thu, thu nhập khác	26.053	0,03	827.018	0,7	6.010.544	4,1
	Tổng cộng	84.895.823	100	125.242.034	100	145.088.327	100

Hàng năm, Công ty đã năng động sáng tạo chịu khó tìm kiếm công ăn việc làm cho người lao động bảo đảm phát triển vốn Nhà nước, được thể hiện doanh thu xây lắp các công trình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 90% trở lên).

Tỷ lệ về lợi nhuận (trước thuế):

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Diễn giải	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận nước SH	0		0		0	
2	Lợi nhuận Miễn thu thủy lợi phí	0		0			
3	Lợi nhuận xây lắp	6.482.942	99,6	3.399.938	106,4	2.996.903	98,7
4	Lợi nhuận khác	26.053	0,4	-203.703	-6,4	38.879	1,3
	Tổng cộng	6.508.995	100	3.196.235	100	3.035.692	100

5.2. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu: Công ty là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là chủ yếu. Do vậy vật liệu của công ty chủ yếu là Sắt thép, xi măng và các vật liệu xây dựng khác,....

b) Giá nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do nhận biết được vấn đề này, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

5.3. Chi phí sản xuất

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh có cả nhiệm vụ công ích, vì vậy mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được quan tâm. Do đó vấn đề tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí phát sinh trong khâu sản xuất đang được hết sức coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm như sau:

TT	Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị (1.000 đồng)	(%) CP/ Tổng DT	Giá trị (1.000 đồng)	(%) CP/ Tổng DT	Giá trị (1.000 đồng)	(%) CP/ Tổng DT
1	Giá vốn hàng bán	71.873.288	92	110.689.600	90,7	126.951.639	89
2	Chi phí Q.lý DN	823.389	1	977.837	0,8	946.256	1
3	Chi phí tài chính	5.690.151	7	9.347.642	7,7	8.183.075	6
4	Chi phí khác			1.030.720	0,8	5.971.664	4
	Tổng	78.386.828	100	122.045.799	100	142.052.634	100

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy Công ty luôn chú trọng tới việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh, tăng doanh thu, lợi nhuận.

5.4. Trình độ công nghệ

Để phục vụ cho quá trình sản xuất của mình được liên tục và không bị ngắt quãng Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt cho dân cư, các cơ quan quản lý nhà nước thường xuyên theo dõi, giám sát kiểm tra định kỳ và đột suất.

Thường xuyên đề nghị Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn xem xét chất lượng các công trình thủy lợi để đảm bảo tưới tiêu cấp nước cho nông dân kịp thời gian cấy trồng trên địa bàn 3 huyện.

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để phục vụ cho các công trình xây dựng cơ bản của công ty.

Trong quá trình hoạt động công ty đã chú trọng đến việc áp dụng các quy trình để giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hoá quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của Công ty.

5.6 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.

ST	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
T		(1.000 đồng)	(1.000 đồng)	(1.000 đồng)
1	Vốn chủ sở hữu	43.244.059	47.316.316	49.035.465
2	Nợ phải trả	158.719.201	172.648.557	148.374.730
2.1	Nợ vay ngắn hạn	143.863.150	166.592.506.	148.374.730
	Trong đó quá hạn			
2.2	Nợ vay dài	14.856.050	6.056.050	
	Trong đó quá hạn	-	-	-
3	Nợ phải thu	112.403.039	122.793.099	122.875.561
4	Tổng số lao động (cả thuê ngoài)	535	657	630
5	Tổng quỹ lương	19.840.000	28.986.000	35.418.967
6	Thu nhập bình quân	3.630	4.297	5.305
7	Doanh thu thuần bán hàng cung cấp dịch vụ	88.869.770	124.415.016	139.077.783
8	Doanh thu hoạt động tài chính	26.053	17.017	31.878
9	Thu nhập khác		810.000	5.978.665
10	Tổng chi phí	78.386.828	122.045.799	142.052.634
11	Tổng tài sản	201.963.261	221.146.820	198.329.109
12	Lợi nhuận trước thuế	6.508.995	3.196.235	3.035.692
13	Lợi nhuận sau thuế	5.369.921	2.636.894	2.276.769
14	Các khoản đã nộp ngân sách trong năm	3.505.000	3.336.639	6.042.870
15	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/trên vốn chủ sở hữu	0,1242	0,0557	0,0464

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty ngày càng giảm đi do chính sách tiền lương tăng và các khoản đóng góp theo lương tăng. Giá cả vật liệu năm sau tăng cao hơn so với năm trước.

5.7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố tác động thuận lợi đến quá trình hoạt động xong cũng có không ít yếu tố gây khó khăn cho việc sản xuất, kinh doanh của Công ty.

a) Thuận lợi:

Là Doanh nghiệp nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực mang tính chất công ích và kinh doanh, Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó giúp Công ty có những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất.

Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, năng động, với trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm lâu năm được đúc kết qua thực tiễn mà không phải đơn vị nào cũng có được.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và có bề dày hơn 20 năm phục vụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Lai Châu.

Công ty có định hướng rõ ràng trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Về lâu dài, Công ty xác định sẽ phấn đấu hoạt động chuyên nghiệp hơn và phát huy thêm những thế mạnh của công ty bằng cách mở rộng một số ngành nghề hoạt động.

b) Khó khăn

Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước còn thiếu, nhiều công trình xuống cấp không được nâng cấp cải tạo hàng năm do vậy việc thất thoát nước không thể tránh khỏi trong cả hai lĩnh vực thuộc dịch vụ sản phẩm công ích.

Đối với kinh doanh xây lắp do đầu tư công cắt giảm nên ít nhiều ảnh hưởng đến tìm kiếm việc làm của công ty. Một số máy móc thiết bị còn chưa đồng bộ dẫn đến hiệu quả kinh doanh còn thấp.

6. Triển vọng phát triển ngành

Xét trên bình diện toàn tỉnh thì Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên là Doanh nghiệp được UBND tỉnh giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt cũng như việc cấp tưới nước cho nông dân để sản xuất nông nghiệp. Hai nhiệm vụ này đã được chuyển về cho Công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên và Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên. Nhiệm vụ còn lại là kinh doanh xây lắp trên địa bàn hai Tỉnh Điện Biên và Lai Châu công ty vẫn và đang tiếp tục tìm kiếm thị trường để mở rộng mạng lưới kinh doanh của mình.

PHẦN III

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước và lộ trình thoái vốn Nhà nước đối với những doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp của tỉnh Điện Biên năm 2014. Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên đã tiến hành chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, tiến hành lập dự toán chi phí cổ phần hóa, tiến hành kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

I. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá thì:

1. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013 của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên là: 173.821.844.891 đồng

2. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2013 (không bao gồm giá trị đất) là: 16.664.320.501 đồng.

Bằng chữ: Mười sáu tỷ, sáu trăm sáu tư triệu, ba trăm hai mươi ngàn, năm trăm linh một đồng.

(Không kể giá trị đã bàn giao vào ngày 31/12/2014 cho công ty TNHH Xây dựng và cấp nước Điện Biên là: 18.128.201.339 đồng và cho Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên là: 41.568.477.455 đồng theo Quyết định 970/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chuyển giá trị tài sản, tiền vốn; Thực hiện bàn giao Nhà kho thuốc nổ nguyên giá là 75.103.518 đồng cho UBND Huyện Tuần giáo đã hết giá trị sử dụng).

3. Khi cổ phần hóa công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa toàn bộ công nợ phải thu phải trả của doanh nghiệp theo quyết định số 508/QĐ-UB ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên.

Chi tiết công nợ phải thu, phải trả:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng tài sản	173.821.844.891	
1.1	TSCĐ và đầu tư dài hạn	25.429.495.862	
1.2	Tiền và các khoản tương đương tiền		
1.3	Các khoản phải thu	129.887.792.239	
1.4	Vật tư hàng hóa tồn kho	17.034.604.938	
2	Nợ phải trả	157.157.524.391	
3	Giá trị doanh nghiệp	16.664.320.501	

PHẦN IV

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. Căn cứ xây dựng phương án:

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị Định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ V/v chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTG ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước và lộ trình thoái vốn Nhà nước đối với những Doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp của tỉnh Điện Biên năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND Tỉnh Điện Biên về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND Tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-BCĐ ngày 12/5/2014 của Ban chỉ đạo sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2012-2015 tỉnh Điện Biên về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên V/v phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên xây dựng Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên với những nội dung như sau:

II. Mục tiêu cổ phần hóa.

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND tỉnh Điện Biên về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên nhằm các mục tiêu:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

III. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTG ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí,

danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước; Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá; Căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên xây dựng phương án cổ phần hoá theo hình thức:

- Bán toàn bộ phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp (quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

IV. Quy mô, cơ cấu vốn điều lệ và giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bán cổ phần:

Theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, việc xác định quy mô vốn điều lệ, cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu và giá khởi điểm để thực hiện đấu giá bán cổ phần của công ty dựa trên kết quả công bố giá trị doanh nghiệp, kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm sau khi công ty chuyển thành công ty cổ phần. Với tính chất đặc thù trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của công ty là Xây dựng dân dụng; giao thông thủy lợi; Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 0,4 - 35 Kv; Khai thác và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.... ở địa bàn tỉnh miền núi biên giới, đời sống, kinh tế của nhân dân các dân tộc còn nhiều khó khăn;

1. Quy mô vốn điều lệ:

Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty dự kiến vốn điều lệ như sau:

- Tổng số vốn điều lệ là: 16.664.320.501 đồng. Làm tròn thành: 16.664.320.000 đồng.

Bằng chữ: mười sáu tỷ sáu trăm sáu mươi tư triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 1.666.432 cổ phần

2. Cơ cấu vốn điều lệ:

2.1. Cổ phần Nhà nước nắm giữ:

Căn cứ Quyết định 37/2014/QĐ-TTG ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty xác định:

Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ là 0% vốn điều lệ,

2.2. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:

Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước

thành công ty cổ phần, thì cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp gồm 3 hình thức, chi tiết như sau:

2.2.1. Cổ phần CBCNV được mua theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước*):

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 26/6/2015) là: 22 người (đã trừ 16 người bàn giao sang công ty TNHH Xây dựng cấp nước Điện Biên và 38 người bàn giao sang công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên)

Trong đó:

+ Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước: 22 người .

+ Tổng số năm công tác của 22 CBCNV được mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước: 326,1 năm

+ Tổng số cổ phần được mua theo năm công tác của người là 32.610 cổ phần

- Danh sách CBCNV đăng ký mua cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước:

Theo danh sách này, có 22 CBCNV đăng ký mua 32.610 cổ phần theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, tương ứng với 1,96 % vốn điều lệ và bằng 326.100.000 đồng (tính theo mệnh giá)

Chi tiết danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước: (Theo Phụ lục số 01).

2.2.2. Cổ phần CBCNV được mua thêm (là người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu), theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Với mức giá bằng giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP:

Theo danh sách CBCNV đăng ký mua thêm cổ phần, thuộc đối tượng này, Công ty có 11 CBCNV đăng ký mua, với tổng số 22.000 cổ phần, tương ứng 1,32 % vốn điều lệ và bằng 220.000.000 đồng (tính theo mệnh giá).

Chi tiết danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp có tên trong danh sách thường xuyên đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp: (Theo phụ lục số 02).

2.3. Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp:

Cổ phần Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Mức giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Theo quy định số cổ phần công đoàn cơ sở đăng ký mua, với tổng số 50.000 cổ phần, tương ứng 3% vốn điều lệ và bằng 500.000.000 đồng (tính theo mệnh giá). (Theo phụ lục số 03).

Các tiêu chí này đã được thảo luận và thống nhất tại Đại hội công nhân viên chức bất thường tổ chức ngày 30/6/2015.

2.4. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Căn cứ Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Công ty xác định không có nhà đầu tư chiến lược.

2.5. Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác:

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp, Công ty xác định:

Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư khác là: 1.561.822 cổ phần

*** Tổng cộng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư bằng 100% vốn điều lệ, tương ứng với 1.666.432 cổ phần và bằng 16.664.320.000 đồng, cụ thể như sau:**

STT	Cổ đông	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	0		0
2	Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp	54.610	546.100.000	3,28
	<i>Cổ phần mua theo số năm thực tế làm</i>	<i>32.610</i>	<i>326.100.000</i>	<i>1,96</i>

	<i>việc trong khu vực nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất</i>			
	<i>Cổ phần mua thêm theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty với mức giá bằng giá đấu thành công thấp nhất</i>	22.000	220.000.000	1,32
3	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn	50.000	500.000.000	3,00
4	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	0	0	-
5	Cổ phần bán cho nhà đầu tư khác	1.561.822	15.618.220.000	93,72
	Tổng cộng	1.666.432	16.664.320.000	100

3. Giá khởi điểm phát hành cổ phần:

Căn cứ Khoản 7 Điều 2 của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, căn cứ tình hình thực tế của doanh nghiệp, Công ty đề xuất:

Giá khởi điểm bán cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng một cổ phần*)

4. Phương thức phát hành cổ phần:

4.1. Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác (nhà đầu tư thông thường):

- Số lượng cổ phần phát hành: 1.561.822 cổ phần chiếm 93,72% vốn điều lệ
- Phương thức: Bán đấu giá công khai
- Thời gian dự kiến: Từ tháng 9/2015 đến tháng 10/2015
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:

Thuê Công ty chứng khoán tổ chức bán đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

4.2. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp:

Sau khi thực hiện bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư thông thường, trên cơ sở giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá, doanh nghiệp tổ chức thực hiện bán cổ phần theo giá ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp.

- Giá bán cổ phần cho người lao động mua theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước và giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp được

xác định bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

- Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ Nhà nước quy định và quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Phần còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần nếu có) nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (theo quy định tại mục a, mục c khoản 1 Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP)

V. Phương án sắp xếp lại lao động.

- Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ

- Căn cứ hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và nhu cầu của người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần, Công ty xây dựng phương án sắp xếp lại lao động như sau:

1. Cán bộ điều động và bổ nhiệm sau khi thực hiện xong Cổ phần hóa.

Sau khi thực hiện xong Cổ phần hóa, Ông Nguyễn Thanh Hà hiện tại là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty được điều động sang Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên giữ chức vụ Phó giám đốc (theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ)

2. Danh sách toàn bộ số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 22 người (nữ 06 người, nam 16 người).

Trong đó:

- Số lao động là Lãnh đạo Công ty (Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp) không thuộc diện ký hợp đồng lao động là: 02 người

- Số lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động có hưởng lương và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 22 người, không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (bao gồm số lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 01 năm): 0 người

- Số lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc: 0 người.

Chi tiết danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo mẫu số 01.

3. Danh sách lao động đủ điều kiện về hưu trước tuổi theo nghị định 108/2014/NĐ-CP tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 01 người

Chi tiết danh sách lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo mẫu số 02.

4. Danh sách lao động chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp do không bố trí việc làm phù hợp sau khi Cổ phần hóa: 05 người

Chi tiết danh sách lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp do không bố trí việc làm phù hợp sau khi Cổ phần hóa theo mẫu số 03.

5. Danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc ở công ty Cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 16 người (nữ 5 người, nam 11 người).

Trong đó:

- Lao động đang thực hiện hợp đồng lao động còn thời hạn: 16 người

- Lao động đang nghỉ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau; thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) mà hợp đồng lao động còn thời hạn: 0 người.

Chi tiết danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp theo mẫu số 05.

6. Tổng hợp phương án sử dụng lao động.

Chi tiết tổng hợp phương án sử dụng lao động theo mẫu số 06.

7. Về chính sách đối với người lao động:

Bao gồm, chính sách mua cổ phần với giá ưu đãi, chính sách mua thêm cổ phần với giá ưu đãi, chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (nếu có), chính sách đối với lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (bao gồm 01 lao động nghỉ việc theo quy định tại Nghị định 108/ 2014/NĐ-CP về chính sách tinh giảm biên chế; 05 lao động nghỉ việc theo quy định của Bộ luật lao động), được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

PHẦN V

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

I. Tên, trụ sở, vốn điều lệ, hình thức hoạt động, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sau khi chuyển thành Công ty cổ phần:

1. Tên công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LẠC HỒNG ĐIỆN BIÊN

- Tên viết tắt: CÔNG TY CP LẠC HỒNG ĐIỆN BIÊN

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Điện thoại:

Fax:

3. Hình thức hoạt động:

Công ty Cổ phần Lạc Hồng Điện Biên có:

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh.

- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.

- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ: 16.664.320.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.666.432 cổ phần

Số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán: 1.666.432 cổ phần phổ thông.

5. Ngành nghề kinh doanh:

Nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật và các phương tiện máy móc thiết bị hiện có, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phấn đấu có lợi

nhuận để chi trả cổ tức cho các cổ đông, Công ty dự kiến ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình cầu, đường bộ;
 - Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước và các công trình công ích khác;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Lắp đặt hệ thống điện (Bao gồm cả đường dây và trạm biến áp từ 0,4 đến 35 kv);
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
 - Khai thác, chế biến, mua bán gỗ và các loại lâm sản khác.
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
 - Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, máy khai khoáng, máy xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng;
 - Kinh doanh động vật rừng thông thường;
 - Kinh doanh các loại động vật hoang dã (Trừ các loại động vật Nhà nước cấm kinh doanh);
 - Đầu tư, xây dựng khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; Trồng, chăm sóc, mua bán sinh vật cảnh.
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng
 - Trồng cây ăn quả
 - Chăn nuôi gia cầm
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - Chăn nuôi khác: Chăn nuôi gia súc
 - Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- * Trong đó, xây dựng là ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp

II. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 3 năm sau cổ phần hóa.

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh, sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên kịp thời của lãnh đạo Sở Xây dựng cùng các Ban ngành chức năng của Tỉnh về những định hướng phát triển của Doanh nghiệp.

- Lãi ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

- Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, với lợi thế là công ty cổ phần, sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động vốn nhanh đặc biệt khi thị trường chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay.

2. Khó khăn:

- Địa bàn hoạt động rộng phần nào ảnh hưởng tới công tác quản lý và điều hành sản xuất.

- Các văn bản hướng dẫn thi hành luật xây dựng ban hành không đồng bộ và thay đổi nhiều, làm cho Doanh nghiệp có nhiều lúng túng khi thực hiện.

- Do đơn vị thực hiện nhiệm vụ xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ trên địa bàn hai Tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Tuy nhiên do chính sách cắt giảm đầu tư công của Nhà nước nên ảnh hưởng rất nhiều đến việc tìm kiếm thị trường của công ty.

Từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa và từ những nhận định về thuận lợi, khó khăn trong thời gian tới, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa với những chỉ tiêu như sau:

3. Mục tiêu phát triển:

- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Tiếp tục đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Luôn tôn trọng khách hàng và chăm lo đời sống cho CBCN-LĐ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa:

S TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm		
			2016	2017	2018
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	95.000	100.000	110.000
2	Vốn Chủ sở hữu	Triệu đồng			
3	Vốn điều lệ				
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	60.000	63.000	65.000
	Doanh thu xây lắp	Triệu đồng	60.000	63.000	65.000
	Doanh thu khác	Triệu đồng			
5	Chi phí sản xuất	Triệu đồng	58.800	61.740	63.700
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.200	1.260	1.300
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	960	1.008	1.040
8	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	Triệu đồng	240	252	260
9	Tổng số lao động	Người	390	400	410
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	5.0	5.5	6.0
11	Nợ phải trả	Triệu đồng			
12	Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	Lần			

5. Một số giải pháp chủ yếu:

5.1. Tổ chức bộ máy công ty cổ phần.

- Để nâng cao hiệu quả hoạt động, sau cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần. Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hóa, trên tinh thần gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.

- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng nhằm mục đích phát huy hết năng lực của cán bộ công nhân viên, thu hút nhân tài và gắn bó người lao động với Công ty.

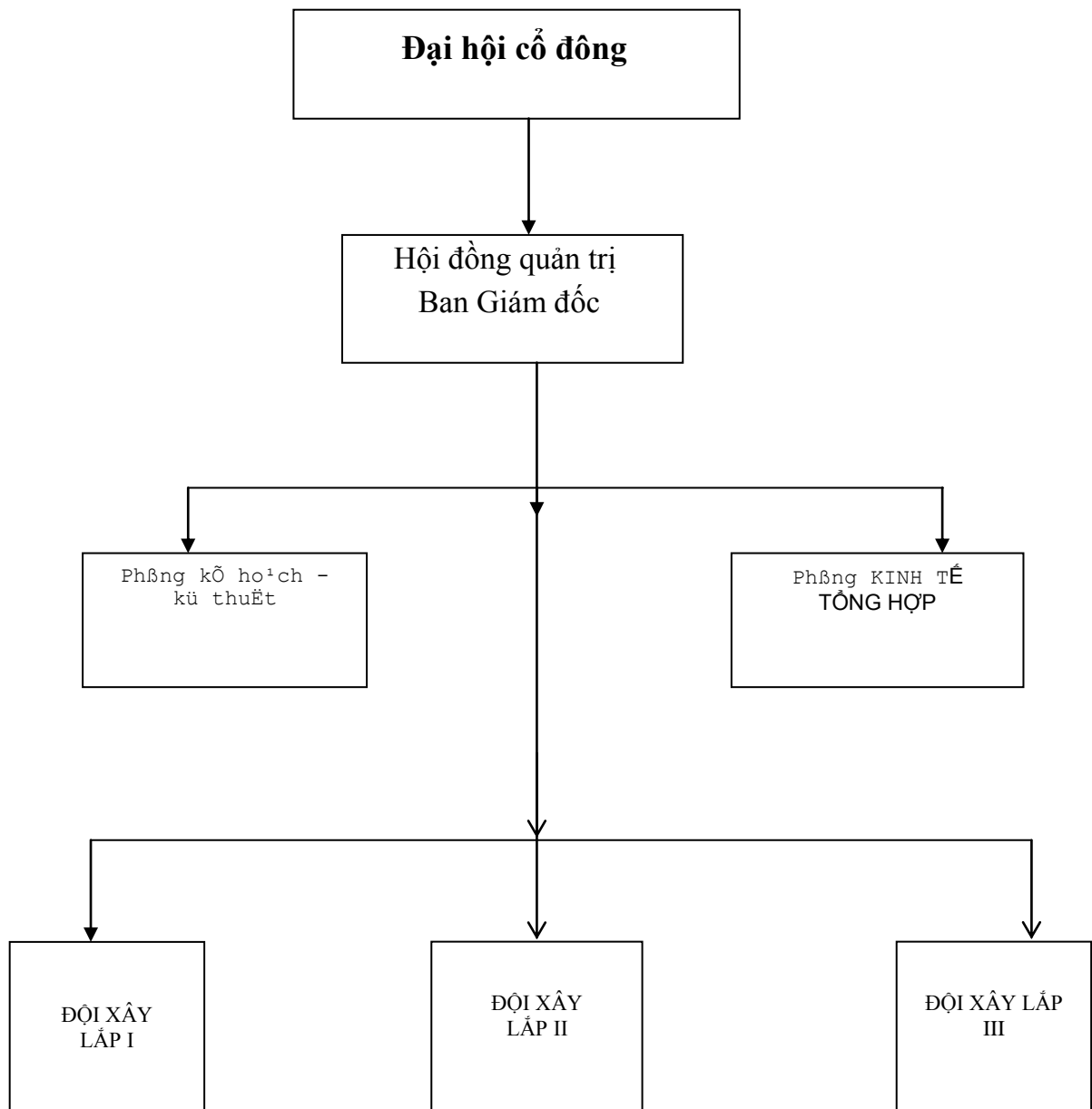
- Sau khi cổ phần hóa Lựa chọn cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nguồn cán bộ kế thừa.

- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày tốt hơn cho người lao động: Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

Sơ đồ tổ chức dự kiến:

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LẠC HỒNG ĐIỆN BIÊN



5.2. Phát triển nguồn nhân lực:

- Duy trì phát triển nguồn nhân lực, từng bước nâng cao chế độ đãi ngộ, tạo ra môi trường làm việc tốt cho CBCNV hiện tại, tăng cường tuyển dụng kết hợp với đào tạo tại chỗ. Cùng cố xây dựng bộ máy quản lý và điều hành tốt, phát huy dân chủ gắn với tăng cường việc thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định của công ty trong mọi hoạt động.

- Kiên quyết sắp xếp và cân đối lại nhân lực các phòng ban, thanh lý hợp đồng một số trường hợp làm việc không có hiệu quả, nhằm ổn định tổ chức, phát huy hết khả năng và năng lực của cán bộ các phòng ban.

- Tổ chức các lớp, các khóa đào tạo, tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ kỹ thuật hiện trường và các lao động tham gia trên các công trình thi công của đơn vị, để qua đó giảm thiểu rủi ro trong quá trình thi công giúp tăng năng suất và hiệu quả cao trong lao động.

- Tiến hành xây dựng định mức lao động một cách chính xác để có thể xác định được đơn giá tiền lương, đánh giá đúng việc thực hiện công việc.

- Sau cổ phần hóa, để mở rộng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ cần thêm nhân lực mới có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, ngành xây dựng các ngành có liên quan; Để đáp ứng yêu cầu này Công ty dự kiến sẽ lên kế hoạch tuyển dụng với những tiêu chí khác nhau sao cho tuyển được những người phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển của Công ty.

5.3. Về tài chính

- Là những năm được dự báo sẽ gặp khó khăn trong vấn đề tài chính, do đó công tác thu hồi vốn và cơ cấu nguồn vốn cho đầu tư là vấn đề hết sức quan trọng nhất. Vì vậy, công ty sẽ nghiên cứu tìm kiếm giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc, đôn đốc công tác nghiệm thu và hoàn chỉnh hồ sơ để thanh quyết toán các công trình.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm cán bộ quản lý tài chính của đơn vị. Kiên quyết thu hồi nợ khó đòi, hạch toán kế toán phải kịp thời đầy đủ. Cùng cố bộ máy hạch toán thống kê, thống kê phải thường xuyên đầy đủ kịp thời cho lãnh đạo để chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra chặt chẽ các thủ tục thanh toán, hoàn ứng, các hóa đơn chứng từ từ các tổ đội, phòng, ban điều hành các gói thầu khi họ thực hiện công tác hoàn ứng.

- Qua từng kỳ quyết toán, đối chiếu để xác nhận công nợ nhằm giúp việc thanh toán và thu hồi công nợ có hiệu quả.

- Phối hợp cùng các phòng, ban trong Công ty chỉ đạo các công trình nhằm kiểm soát chi phí đầu vào như nguyên, nhiên vật liệu của các công trình. Qua đó để có được những biện pháp tốt nhất trong cách quản lý vật tư, tài chính nhằm tiết kiệm tối ưu chi phí phục vụ công trình mà không ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đề ra.

5.4. Những biện pháp kỹ thuật - Kinh doanh.

- Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác đầu tư xây dựng các công trình dân dụng giao thông thủy lợi...

- Tăng cường công tác giám sát kỹ thuật chất lượng và an toàn tại hiện trường; phối hợp chặt chẽ với các phòng ban trong Công ty nhằm đẩy nhanh tiến độ các công trình, kiểm soát chặt chẽ vật tư đưa vào công trình tránh thất thoát và kém chất lượng; xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng và vật tư đưa vào công trình, qua đó giúp ban lãnh đạo công ty giám sát chất lượng, tiến độ, an toàn của các công trình một cách dễ dàng và cập nhật hơn.

- Tích cực theo dõi và tham gia đấu thầu mới các công trình là thế mạnh của đơn vị như công trình giao thông, thủy lợi,... nhằm tạo nhiều việc làm tăng doanh thu cho Công ty và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục mở rộng liên danh, liên kết để hợp tác đấu thầu các dự án lớn tạo công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu tìm kiếm giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc.

- Đôn đốc công tác nghiệm thu và hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán.

- Chỉ đạo sát sao, phân công cụ thể và tạo mối quan hệ gắn kết giữa các phòng ban nhằm tạo hiệu quả cao trong lao động và sản xuất của Công ty, như: Phòng Kỹ thuật - Vật tư theo dõi đầu vào của vật tư thiết bị, tiến độ, kỹ thuật chất lượng của các công trình, nhằm tăng năng suất kiểm soát đầu vào của các công trình, đẩy nhanh tiến độ đưa công trình hoàn thành sớm kịp thời và đảm bảo; phối hợp cùng

phòng Tài chính - Kế toán đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thanh quyết toán các công trình dở dang.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh theo hướng đa ngành, đa nghề, trong đó Xây dựng công trình giao thông là sản phẩm chủ yếu phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển tổng thể của Công ty.

- Xúc tiến đầu tư, hợp tác kinh doanh, quảng bá thương hiệu theo mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

5.5. Về quản lý.

- Để đạt được mục tiêu doanh thu lợi nhuận và thu nộp ngân sách hàng năm theo mục tiêu đề ra, trước hết Công ty phải sắp xếp tổ chức lại bộ máy Quản lý điều hành của công ty.

- Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty. Nhân viên kế toán cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

- Xây dựng chế độ trả lương có sức thu hút cho CBCNV và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty.

5.6. Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty.

- Để đảm bảo tiến trình kinh doanh có hiệu quả, trong thời gian tới Công ty phải quan tâm nghiên cứu mở rộng thị trường; Đảm bảo sản phẩm sản xuất ra phải đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường trên tất cả địa bàn các huyện, xã vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Trong việc nghiên cứu thị trường, Công ty cần phải tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về các chương trình dự án để tổ chức thực hiện đấu thầu theo qui định của Pháp luật.

- Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Phòng Kế hoạch, kỹ thuật, Phòng Kế toán của Công ty bố trí cán bộ chuyên trách để làm công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, làm tham mưu cho Lãnh đạo Công ty.

5.7. Công tác đào tạo.

Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của công ty:

- Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động nâng cao được năng suất lao động.

- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại; Công ty sẽ tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng kiến thức mới, tổ chức tham quan học tập tại các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm từ đó làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.

- Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường nguyện vọng của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.

- Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của Công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

- Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân, người lao động, Công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm công bằng, hợp lý thưởng, phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao, có trách nhiệm trong công việc hay những người có những ý kiến đóng góp cho Công ty trong sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao.

5.8. Vai trò lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể:

Trước những khó khăn chung của doanh nghiệp hiện nay, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty; Đảng ủy Công ty cần nắm vững và vận

dụng tốt chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng trong doanh nghiệp; trên cơ sở đó xây dựng quy chế hoạt động, phối hợp với lãnh đạo Công ty, nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về hoạt động chính trị và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong chỉ đạo cũng như thực hiện các nhiệm vụ, giữ gìn khối đoàn kết, thống nhất trong tập thể Cấp ủy, trong Công ty. Định hướng cho Công ty phát triển bền vững; coi trọng công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh; chủ động thay đổi cơ cấu sản xuất, quy mô phù hợp với Công ty, tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh.

Cấp ủy Đảng cần làm tốt hơn vai trò lãnh đạo, phối hợp với lãnh đạo Công ty thực hiện chủ trương, định hướng trong chiến lược và quy hoạch tổng thể về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lớn trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Củng cố các tổ chức đoàn thể, phát huy vai trò của các đoàn thể, thông qua các đoàn thể để giáo dục người lao động tự làm chủ trong SXKD.

IV. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty đã tiến hành xây dựng Điều lệ Công ty CP Lạc Hồng Điện Biên (Có dự thảo điều lệ kèm theo).

V. Các đề xuất kiến nghị:

- Thực hiện quyết định số 970/QĐ-UB ngày 14/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc về việc điều chuyển giá trị tài sản, tiền vốn, toàn bộ trụ sở của Công ty đã bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý Thủy nông Điện Biên. Hiện nay Công ty không có trụ sở giao dịch, để giải quyết khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên đề nghị UBND tỉnh xem xét cho Công ty thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng hướng dẫn Công ty trong việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

PHẦN VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên thành công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện Phương án theo lịch trình như sau:

TT	Nội dung công việc	T.gian T.hiện
1	Xem xét, trình tỉnh phê duyệt Tổ chức bán đấu giá CP	09/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài	09/2015- 10/2015
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	09/2015- 10/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với ban chỉ đạo CPH	11/2015
5	Chuyển tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định (nếu còn thừa); báo cáo kết quả thực hiện theo quy định	11/2015
7	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	12/2015
8	Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc, bộ máy điều hành công ty cổ phần.	12/2015
9	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng tải thông tin doanh nghiệp và xin cấp dấu mới cho công ty cổ phần; in sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.	1/2016
10	Lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa, báo cáo cơ quan quyết định cổ phần hóa.	3/2016
11	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị.	3/2016
12	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần	3/2016

Trên đây là phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thủy lợi tỉnh Điện Biên.

Để có cơ sở triển khai, thực hiện, Công ty kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH và ĐT tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Xây dựng tỉnh;
- Sở LĐ-TB và XH tỉnh;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Liên đoàn lao động tỉnh
- Lưu Công ty.

CHỦ TỊCH CÔNG TY KIỂM GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hà